

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ
LIKSIN – TNHH MTV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Lixsin – TNHH MTV (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Ngọc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Quang Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lại Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/03/2024)
Ông Hoàng Thọ Vượng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Hương Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Đinh*



Nguyễn Ngọc Minh Thy

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 500 /2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC theo Báo cáo kiểm toán số 260424.005/BCTC.KT7 ngày 26/04/2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Trần Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		843.907.996.446	938.362.766.159
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	123.421.343.831	105.470.640.238
Tiền	111		106.421.343.831	68.465.051.197
Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	37.005.589.041
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	191.000.000.000	260.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	191.000.000.000	260.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.661.135.027	283.836.714.528
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	303.349.189.063	287.183.437.999
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.158.163.150	6.756.736.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.958.013.492	6.701.846.078
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(15.832.668.497)	(16.816.961.123)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		28.437.819	11.654.854
Hàng tồn kho	140	10	200.462.369.929	260.896.087.538
Hàng tồn kho	141		221.102.587.764	271.255.380.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.640.217.835)	(10.359.293.225)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.363.147.659	28.159.323.855
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	648.831.736	1.435.234.543
Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.521.912.306	21.044.212.181
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.192.403.617	5.679.877.131
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		865.247.006.631	924.678.897.460
Các khoản phải thu dài hạn	210		98.850.000	88.850.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	98.850.000	88.850.000
Tài sản cố định	220		415.899.885.451	483.285.032.035
Tài sản cố định hữu hình	221	14	410.693.088.556	477.869.963.260
- Nguyên giá	222		1.313.139.822.732	1.309.212.937.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(902.446.734.176)	(831.342.973.889)
Tài sản cố định vô hình	227	13	5.206.796.895	5.415.068.775
- Nguyên giá	228		8.356.169.905	8.356.169.905
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.149.373.010)	(2.941.101.130)
Tài sản dở dang dài hạn	240		90.435.455	150.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	90.435.455	150.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	422.889.844.077	413.445.093.161
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.2	395.341.994.077	385.731.362.878
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	65.447.060.000	65.447.060.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(37.899.210.000)	(37.733.329.717)
Tài sản dài hạn khác	260		26.267.991.648	27.859.772.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	26.246.054.710	27.844.407.198
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		21.936.938	15.365.066
TỔNG TÀI SẢN	270		1.709.155.003.077	1.863.041.663.619

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		528.385.611.212	416.435.687.598
Nợ ngắn hạn	310		476.249.530.660	339.839.073.685
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	111.240.266.541	110.024.961.251
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.476.879.828	1.685.122.938
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	44.330.938.569	15.100.112.553
Phải trả người lao động	314		54.165.430.723	65.767.352.928
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	19.224.925.950	11.155.496.577
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.164.329.208	4.017.046.343
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	150.142.411.969	36.098.219.529
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		91.504.347.872	95.990.761.566
Nợ dài hạn	330		52.136.080.552	76.596.613.913
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.103.093.000	1.720.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	13.930.650.079	40.086.741.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		2.073.879.522	1.981.021.483
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		35.028.457.951	32.808.251.254
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	1.180.769.391.865	1.446.605.976.021
Vốn chủ sở hữu	410		1.180.769.391.865	1.446.605.976.021
Vốn góp của chủ sở hữu	411		845.250.000.000	845.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		77.789.675.474	358.908.631.778
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		222.417.033.850	210.321.192.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		206.635.134.282	194.954.178.715
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.781.899.568	15.367.014.028
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.312.682.541	32.126.151.500
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.709.155.003.077	1.863.041.663.619

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám Đốc





Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.687.345.655.445	1.548.590.346.245
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.863.763.015	4.866.009.553
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.684.481.892.430	1.543.724.336.692
Giá vốn hàng bán	11	24	1.376.668.109.936	1.267.457.315.791
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		307.813.782.494	276.267.020.901
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	41.198.771.342	40.354.317.438
Chi phí tài chính	22	26	5.334.247.312	8.678.658.417
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.528.796.640	8.029.986.540
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.277.576.463	14.612.244.839
Chi phí bán hàng	25	27	75.964.176.749	67.131.912.465
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	113.680.321.285	110.497.213.961
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		165.311.384.953	144.925.798.335
Thu nhập khác	31	28	19.997.641.406	18.274.842.496
Chi phí khác	32	29	11.162.593.613	569.727.500
Lợi nhuận khác	40		8.835.047.793	17.705.114.996
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		174.146.432.746	162.630.913.331
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	27.624.665.176	24.979.386.952
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		86.286.167	124.245.838
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		146.435.481.403	137.527.280.541
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		139.171.302.965	132.393.686.842
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.264.178.438	5.133.593.699

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	174.146.432.746	162.630.913.331
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	72.004.130.349	69.964.296.688
Các khoản dự phòng	03	9.462.512.267	6.394.246.812
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(103.323.104)	225.315.739
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(40.788.163.216)	(54.721.057.058)
Chi phí lãi vay	06	4.528.796.640	8.029.986.540
Các điều chỉnh khác	07	3.588.688.813	3.353.081.693
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	222.839.074.495	195.876.783.745
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(28.557.815.148)	(8.044.566.392)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	50.152.792.999	23.694.935.434
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.002.615.120	(14.222.069.497)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.384.755.295	1.860.325.984
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.698.293.828)	(8.097.411.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.598.624.071)	(21.433.546.386)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.757.309.556
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(53.271.406.092)	(13.352.705.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.253.098.770	158.039.055.464
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.709.269.220)	(21.530.599.627)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	118.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(198.000.000.000)	(211.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	267.000.000.000	148.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.103.293.727	41.219.110.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	105.512.206.325	(43.311.489.038)

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay	33		286.789.380.155	61.160.875.997
Tiền trả nợ gốc vay	34		(198.901.278.812)	(128.809.322.693)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.729.128.539)	(46.396.084.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(265.841.027.196)	(114.044.531.212)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.924.277.899	683.035.214
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	105.470.640.238	104.791.454.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.425.694	(3.849.288)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	123.421.343.831	105.470.640.238

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 30/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301441600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21 tháng 09 năm 2022.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 845.250.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 159 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1103 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 1110 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty: Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp,...

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy, và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp;
- Sản xuất mực in;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, sân bãi, đường nội bộ;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị máy móc các ngành: công nghiệp, giấy, in và bao bì, văn hóa phẩm, đào tạo nghiên cứu khoa học, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất;
- Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Dạy nghề: Đào tạo giáo dục đến trình độ trung cấp các nghề: kỹ thuật in ống đồng, in Flexso, in Offset (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hoá hợp nhất.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 02 trung tâm và 03 xí nghiệp là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm kinh doanh An Thịnh
- Trung tâm Tân Đức
- Xí nghiệp Bao bì An Khang
- Xí nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin
- Xí nghiệp Bao Bì Liksin

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết và 09 khoản đầu tư vào đơn vị khác chi tiết tại thuyết minh số 5.2 “Đầu tư tài chính dài hạn”.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của 01 công ty con do Tổng Công ty kiểm soát và các công ty liên doanh, liên kết được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng được áp dụng các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tổng Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tổng Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại (nếu có)

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm cả việc ghi nhận khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết, Tổng Công ty áp dụng các quy định của Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính để xác định xem có cần phải ghi nhận thêm khoản lỗ do giảm giá trị khoản đầu tư thuần của nhà đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết hay không. Việc xác định giá trị khoản đầu tư thuần vào công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Tồn thất tài sản”.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian sử dụng

(năm)

- Nhà cửa, vật kiến trúc

08 - 30

- Máy móc, thiết bị

03 - 12

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

10

- Thiết bị văn phòng

03 - 10

- Các tài sản khác

Tối đa 20 năm

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác.

3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong năm, gồm: chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo Thông tư 36/2021/tt-BTC ngày 10/07/2021, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thực hiện về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

3.14. DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14. DOANH THU (TIẾP)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành:

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	1.643.861.323	1.342.853.476
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104.777.482.508	67.122.197.721
- Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	37.005.589.041
Cộng	123.421.343.831	105.470.640.238

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	191.000.000.000	191.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000
Cộng	191.000.000.000	191.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	188.505.124.799	395.341.994.077	188.505.124.799	385.731.362.878
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	39.800.000.000	42.753.874.205	39.800.000.000	42.984.655.383
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	78.085.000.000	97.727.486.609	78.085.000.000	95.872.492.725
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	6.656.950.000	7.830.643.722	6.656.950.000	8.082.361.928
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	24.150.000.000	161.487.125.049	24.150.000.000	160.000.055.784
- Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	2.648.000.000	-	2.648.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát Tài	6.797.058.884	14.825.369.701	6.797.058.884	14.418.877.231
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	12.949.782.500	35.616.354.529	12.949.782.500	33.753.529.028
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	7.659.847.283	1.280.290.846	7.659.847.283	2.234.712.711
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	4.321.350.040	30.556.964.691	4.321.350.040	25.693.839.563
- Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng	4.213.136.092	3.263.884.725	4.213.136.092	2.690.838.525
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.224.000.000	-	1.224.000.000	-
Cộng	188.505.124.799	395.341.994.077	188.505.124.799	385.731.362.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	65.447.060.000	(37.899.210.000)	65.447.060.000	(37.733.329.717)
- Ngân hàng TMCP Đông Á (1)	5.526.640.000	(3.980.370.000)	5.526.640.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	3.980.370.000	(3.980.370.000)	3.980.370.000	(3.980.370.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.546.270.000	-	1.546.270.000	-
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn	798.840.000	(618.840.000)	798.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh	618.840.000	(618.840.000)	618.840.000	(618.840.000)
+ Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	180.000.000	-	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê	2.100.000.000	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(1.934.119.717)
- Công ty Cổ phần Nhựa 04	1.976.280.000	-	1.976.280.000	-
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang	525.000.000	-	525.000.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	5.867.480.000	-	5.867.480.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	15.352.820.000	-	15.352.820.000	-
- Công ty Cổ phần Mai Lan	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam (2)	31.200.000.000	(31.200.000.000)	31.200.000.000	(31.200.000.000)
Cộng	65.447.060.000	(37.899.210.000)	65.447.060.000	(37.733.329.717)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(1) Ngân hàng TMCP Đông Á đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM từ ngày 17/01/2025. Tổng Công ty Lixsin đã có CV 46/Lixsin-KT ngày 05/03/2025 báo cáo UBNDTP về tình hình vốn đầu tư của Lixsin tại Ngân hàng TMCP Đông Á sau chuyển giao bắt buộc, hiện Tổng Công ty Lixsin đang đợi ý kiến chỉ đạo từ cấp trên để thực hiện theo quy định.

(2) Tòa án Tỉnh Bình Thuận đã mở thủ tục phá sản từ năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Bao Bì Lixsin Phương Bắc	Tỉnh Bắc Ninh	50,00%	50,00%	- Sản xuất bao bì
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Tỉnh Bình Dương	42,80%	42,80%	- Sản xuất thùng carton
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10,01%	10,01%	- Kinh doanh sân golf
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Thành phố Hồ Chí Minh	28,85%	28,85%	- Sản xuất giấy
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch tuyết	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	- Sản xuất sơn
- Công ty Cổ phần nhựa Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	48,15%	48,15%	- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa plastic
- Công ty cổ phần Phát Tài	Thành phố Hồ Chí Minh	37,50%	37,50%	- In hóa đơn, in vé số
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Tỉnh Long An	37,40%	37,40%	- In nhãn các sản phẩm
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Tỉnh Long An	23,27%	23,27%	- In ấn các loại ấn phẩm sách báo
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	25,00%	25,00%	- In ấn sản xuất bao bì
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	36,00%	36,00%	- Kinh doanh các loại sách, văn hóa
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	Tỉnh Long An	36,07%	36,07%	- Chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành in và bao bì
Đơn vị khác				
- Ngân Hàng TMCP Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	0,11%	0,11%	- Ngân hàng
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	12,40%	12,40%	- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tường; sản xuất mực in và ma tít
- Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê	Thành phố Hồ Chí Minh	10,77%	10,77%	- Sản xuất và in các loại giấy
- Công ty Cổ phần Nhựa 04	Thành phố Hồ Chí Minh	9,49%	9,49%	- Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6,25%	6,25%	- In ấn và kinh doanh sách

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác (tiếp)				
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	12,32%	12,32%	- Sản xuất ngành in, bao bì giấy
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	15,05%	15,05%	- Sản xuất kinh doanh các loại sách báo tạp chí văn hóa phẩm
- Công ty Cổ phần Mai Lan	Thành phố Hồ Chí Minh	4,17%	4,17%	- Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,68%	12,68%	- Sản xuất các loại mực in offset

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.158.163.150	(328.750.125)	6.756.736.720	(312.250.125)
- Coolbree Gmbh	1.269.479.531	-	2.571.205.603	-
- Dow Chemical pacific (Singapore) Pte., Ltd	289.835.125	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Jiangsu Shuangxing Color Plastic New Materials Co., Ltd	-	-	1.118.253.345	-
- Jiangsu Lecai Printing Materialco., Ltd	-	-	1.965.260.214	-
- Các đối tượng khác	4.598.848.494	(38.915.000)	812.182.433	(22.415.000)
Cộng	6.158.163.150	(328.750.125)	6.756.736.720	(312.250.125)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	303.349.189.063	(15.503.918.372)	287.183.437.999	(16.504.710.998)
- Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	9.852.166.558	(8.731.325.138)	10.728.624.238	(10.037.321.363)
- Công ty Cổ phần Phát Tài	796.819.394	-	531.480.300	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	243.301.709	-	200.315.017	-
- Công ty Cổ Phần In Và Bao Bì Bình Thuận	50.003.676	-	75.047.520	-
- Công ty Cổ Phần In Và Phát Hành Sách Lâm Đồng	53.613.790	-	61.450.300	-
- Công ty Cổ phần in Nhân hàng An Lạc	772.486.093	-	378.196.180	-
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Công ty TNHH Procter & Gamble Đồng Dương	58.816.898.947	-	27.876.562.533	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam	35.137.299.800	-	33.011.044.500	-
- Các khách hàng khác	196.597.053.546	(5.743.047.684)	213.291.171.861	(5.437.844.085)
Cộng	303.349.189.063	(15.503.918.372)	287.183.437.999	(16.504.710.998)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan:	12.797.936.770	(1.029.545.550)	13.004.659.105	(1.029.545.550)
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.958.013.492	-	6.701.846.078	-
- Phải thu về cổ phần hóa	1.378.646.190	-	1.378.646.190	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	2.498.632.877	-	3.926.945.206	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.360.865	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.124.360.000	-	129.360.000	-
- Tạm ứng	583.175.006	-	827.790.356	-
- Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	364.838.554	-	439.104.326	-
Dài hạn	98.850.000	-	88.850.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	98.850.000	-	88.850.000	-
Cộng	6.056.863.492	-	6.790.696.078	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khách hàng	18.272.731.291	(15.503.918.372)	18.881.566.769	(16.504.710.998)
- Công ty Cổ phần In - Bao Bì An Phú	9.852.166.558	(8.731.325.138)	10.728.624.238	(10.037.321.363)
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Các đối tượng khác	7.391.019.183	(5.743.047.684)	7.123.396.981	(5.437.844.085)
+ Trả trước cho người bán	345.250.125	(328.750.125)	345.250.125	(312.250.125)
- Công ty TNHH Đầu tư Lava	22.415.000	(22.415.000)	22.415.000	(22.415.000)
- Dow Chemical Pacific (Singapore) Pte Ltd	289.835.125	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Nhiên	33.000.000	(16.500.000)	33.000.000	-
Tổng cộng	18.617.981.416	(15.832.668.497)	19.226.816.894	(16.816.961.123)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng đang đi trên đường	1.484.730.193	-	8.345.590.296	-
- Nguyên liệu, vật liệu	104.491.071.261	(10.399.122.791)	173.749.193.329	(3.573.164.551)
- Công cụ, dụng cụ	7.218.784.441	-	7.103.955.965	(1.194.423.659)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.284.754.254	-	6.620.619.826	-
- Thành phẩm	38.783.500.814	(9.644.516.489)	40.507.780.518	(5.341.750.332)
- Hàng hóa	58.839.746.801	(596.578.555)	34.928.240.829	(249.954.683)
Cộng	221.102.587.764	(20.640.217.835)	271.255.380.763	(10.359.293.225)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	648.831.736	1.435.234.543
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.744.167	391.422.833
- Chi phí bảo hiểm	449.349.252	850.531.198
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.738.317	193.280.512
Dài hạn	26.246.054.710	27.844.407.198
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.068.246.525	2.402.250.841
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp	16.414.938.798	23.442.386.559
- Chi phí trực in	1.950.689.637	1.744.911.681
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.812.179.750	254.858.117
Cộng	26.894.886.446	29.279.641.741

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	90.435.455	150.000
- Gói thầu "Dự án ERP"	90.435.455	-
- Mua sắm tài sản khác	-	150.000
Cộng	90.435.455	150.000

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	747.974.227	7.608.195.678	8.356.169.905
31/12/2024	747.974.227	7.608.195.678	8.356.169.905
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2024	(747.974.227)	(2.193.126.903)	(2.941.101.130)
- Khấu hao trong năm	-	(208.271.880)	(208.271.880)
31/12/2024	(747.974.227)	(2.401.398.783)	(3.149.373.010)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	-	5.415.068.775	5.415.068.775
31/12/2024	-	5.206.796.895	5.206.796.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	299.305.454.915	912.213.009.528	77.680.001.046	20.014.471.660	1.309.212.937.149
- Mua trong năm	154.000.000	1.248.669.759	2.077.035.477	1.139.278.529	4.618.983.765
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(692.098.182)	-	(692.098.182)
31/12/2024	299.459.454.915	913.461.679.287	79.064.938.341	21.153.750.189	1.313.139.822.732
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(146.707.215.824)	(614.041.933.263)	(57.166.671.880)	(13.427.152.922)	(831.342.973.889)
- Khấu hao trong năm	(14.045.288.323)	(52.093.350.651)	(3.649.494.632)	(2.007.724.863)	(71.795.858.469)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	692.098.182	-	692.098.182
31/12/2024	(160.752.504.147)	(666.135.283.914)	(60.124.068.330)	(15.434.877.785)	(902.446.734.176)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	152.598.239.091	298.171.076.265	20.513.329.166	6.587.318.738	477.869.963.260
31/12/2024	138.706.950.768	247.326.395.373	18.940.870.011	5.718.872.404	410.693.088.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	111.240.266.541	111.240.266.541	110.024.961.251	110.024.961.251
- Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	52.258.063	52.258.063	991.836.795	991.836.795
- Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	56.543.616	56.543.616	92.950.200	92.950.200
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000	4.785.000	4.785.000
- Công ty Cổ phần Phát Tài	345.907.832	345.907.832	9.741.600	9.741.600
- Công ty TNHH Sakata INX - Việt Nam	6.590.697.910	6.590.697.910	10.170.446.396	10.170.446.396
- Các nhà cung cấp khác	104.190.074.120	104.190.074.120	98.755.201.260	98.755.201.260
Cộng	111.240.266.541	111.240.266.541	110.024.961.251	110.024.961.251
Phải thu người bán là các bên liên quan:	1.175.261.038	1.175.261.038	1.099.313.595	1.099.313.595
(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)				

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngắn hạn	2.476.879.828	1.685.122.938
- H & T Seafood Inc	221.246.352	221.246.352
- Công ty TNHH NTPM (Việt Nam)	-	175.000.000
- Sea Delight, Llc	414.808.580	344.984.035
- Seafood Connection B.V	237.329.210	241.621.929
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Khương	502.975.376	-
- Các đối tượng khác	1.100.520.310	702.270.622
Cộng	2.476.879.828	1.685.122.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.770.279.362	15.361.884.275	16.443.857.510	-	688.306.127
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	29.076.716.164	29.076.716.164	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	180.651	-	2.530.314.096	2.530.314.096	180.651	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	6.489.336	6.489.336	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.048.624.071	28.096.185.175	25.598.624.071	-	13.546.185.175
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.237.947.099	5.750.544.170	5.729.881.020	-	2.258.610.249
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.507.679.423	-	3.406.984.971	4.105.359.486	2.206.053.938	-
- Các khoản thuế khác	-	-	147.396.874	147.396.874	-	-
- Các khoản phải nộp khác	4.172.017.057	43.262.021	388.949.180.319	358.968.757.293	1.986.169.028	27.837.837.018
+ Thuế chuyển nhượng nhà 60 Võ Thị Sáu, Vũng Tàu nộp thừa	1.979.669.028	-	-	-	1.979.669.028	-
+ Lợi nhuận sau thuế phải nộp	2.192.348.029	-	59.142.958.315	34.546.885.417	-	22.403.724.869
Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-
+ Khác	-	43.262.021	329.806.222.004	324.421.871.876	6.500.000	5.434.112.149
Cộng	5.679.877.131	15.100.112.553	473.325.695.380	442.607.395.850	4.192.403.617	44.330.938.569

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	trả nợ
						VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	36.098.219.529	36.098.219.529	306.235.243.252	192.191.050.812	150.142.411.969	150.142.411.969
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>16.652.356.435</i>	<i>16.652.356.435</i>	<i>286.789.380.155</i>	<i>169.850.051.718</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>133.591.684.872</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	19.318.549.593	19.318.549.593	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh (1)	16.652.356.435	16.652.356.435	206.082.507.293	141.848.352.362	80.886.511.366	80.886.511.366
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh (2)	-	-	60.628.981.645	7.923.808.139	52.705.173.506	52.705.173.506
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng	-	-	759.341.624	759.341.624	-	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.445.863.094</i>	<i>19.445.863.094</i>	<i>19.445.863.097</i>	<i>22.340.999.094</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>16.550.727.097</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 6 Thành phố Hồ Chí Minh (1)	2.895.136.000	2.895.136.000	2.895.136.000	5.790.272.000	-	-
- Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	16.550.727.094	16.550.727.094	16.550.727.097	16.550.727.094	16.550.727.097	16.550.727.097
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.086.741.176	40.086.741.176	-	26.156.091.097	13.930.650.079	13.930.650.079
<i>Vay dài hạn</i>	<i>40.086.741.176</i>	<i>40.086.741.176</i>	<i>-</i>	<i>26.156.091.097</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>13.930.650.079</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh (1)	9.605.364.000	9.605.364.000	-	9.605.364.000	-	-
- Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	30.481.377.176	30.481.377.176	-	16.550.727.097	13.930.650.079	13.930.650.079
	76.184.960.705	76.184.960.705	306.235.243.252	218.347.141.909	164.073.062.048	164.073.062.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh số 24.33520.0108/2024-HĐCVHM/NHCT922-LIKSIN ngày 21/05/2024 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;

Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh.

Phương thức bảo đảm: Nghĩa vụ của khách hàng theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng các biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:

+ Cầm cố tài sản là toàn bộ hàng hoá thuộc quyền sở hữu của Chi nhánh Tổng công ty Liksin - Xi nghiệp Bao bì Liksin với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 50.000.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 01/23.37374.0030/2023/HĐBĐ/NHCT922 ngày 21/05/2024 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cầm cố (nếu có) ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao Bì Liksin - TNHH MTV.

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 80.886.511.366 VND.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam số 53/3742/24-DN2/N-CTD ký ngày 09 tháng 07 năm 2024 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - TNHH MTV

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng vốn vay là: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Phương thức bảo đảm:

+ Thế chấp tài sản là quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác; Quyền hưởng thụ bảo hiểm; Quyền được bồi thường thiệt hại và Quyền tài sản khác trị giá được bằng tiền hình thành được định giá 50.000.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh từ hợp đồng số 58/3742/24-DN2/TC.

+ Căn cứ Hợp Đồng Thế Chấp Tài Sản số 24.33520.0149/2024/HĐBĐ/NHCT922 ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH MTV và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 6 TP.HCM, Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH MTV thế chấp cho Vietcombank Số Dư Tiền Gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Bên Thế Chấp gửi tại Vietcombank và toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng Tiền Gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ số 128/2024/DVKH-LIKSIN và Hợp đồng Tiền Gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ số 154/2024/DVKH-LIKSIN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 hợp đồng tín dụng sau:

a) Hợp đồng tín dụng số STVN1812/MTVN1818-20 ký ngày 29/08/2020 gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: Tối đa 2.850.000 USD đối với khoản tín dụng ngắn hạn và tối đa 2.000.000 USD đối với khoản tín dụng dài hạn;

+ Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;

+ Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với cho vay ngắn hạn và 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với hạn mức cho vay dài hạn;

+ Lãi suất cho vay: Xác định theo từng khế ước nhận nợ.

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 9.585.402.054; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 9.585.402.057 VND.

b) Hợp đồng tín dụng số ST1968/MT1969-21 ký ngày 31/05/2021 gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 2.000.000 USD;

+ Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;

+ Lãi suất cho vay: Xác định theo từng khế ước nhận nợ;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2024 là 20.895.975.119 đồng; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 6.965.325.040 VND.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	19.224.925.950	11.155.496.577
- Chi phí hoa hồng môi giới	11.090.497.004	6.597.139.824
- Chi phí lãi vay	223.757.842	393.255.030
- Các chi phí phải trả khác	7.910.671.104	4.165.101.723
Cộng	19.224.925.950	11.155.496.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	3.164.329.208	4.017.046.343
- Kinh phí công đoàn	-	956.517
- Tài sản thừa chờ giải quyết	44.332.018	257.831.456
- Nhận ký quỹ, ký cược	922.752.381	555.353.855
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.197.244.809	3.202.904.515
+ <i>Quỹ thù lao của người đại diện vốn</i>	<i>1.068.491.339</i>	<i>2.264.490.332</i>
+ <i>Quỹ phát triển KHCN chưa sử dụng hết 70% sau 05 năm</i>	<i>589.400.000</i>	<i>711.546.400</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>539.353.470</i>	<i>226.867.783</i>
Dài hạn	1.103.093.000	1.720.600.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.103.093.000	1.720.600.000
Cộng	4.267.422.208	5.737.646.343

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	845.250.000.000	322.897.640.095	197.782.861.852	30.681.815.409	1.396.612.317.356
- Lãi trong năm	-	-	132.393.686.842	5.133.593.699	137.527.280.541
- Phân phối lợi	-	36.013.885.016	(83.872.500.484)	(3.689.257.608)	(51.547.873.076)
- Nộp NSNN khoản LNST	-	-	(35.976.104.356)	-	(35.976.104.356)
- Giảm khác	-	(2.893.333)	(6.751.111)	-	(9.644.444)
31/12/2023	845.250.000.000	358.908.631.778	210.321.192.743	32.126.151.500	1.446.605.976.021
01/01/2024	845.250.000.000	358.908.631.778	210.321.192.743	32.126.151.500	1.446.605.976.021
- Lãi trong năm	-	-	139.171.302.965	7.264.178.438	146.435.481.403
- Phân phối lợi	-	38.063.286.818	(86.848.279.216)	(4.077.647.397)	(52.862.639.795)
- Nộp NSNN khoản LNST	-	-	(38.560.237.378)	-	(38.560.237.378)
- Nộp NSNN chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	-	(319.182.243.122)	-	-	(319.182.243.122)
- Giảm khác	-	-	(1.666.945.264)	-	(1.666.945.264)
31/12/2024	845.250.000.000	77.789.675.474	222.417.033.850	35.312.682.541	1.180.769.391.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
- Vốn Nhà nước	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%
Cộng	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	845.250.000.000	845.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	845.250.000.000	845.250.000.000

21.3 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	77.789.675.474	358.908.631.778
Cộng	77.789.675.474	358.908.631.778

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	1.687.345.655.445	1.548.590.346.245
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.681.189.315.254	1.543.734.767.998
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.156.340.191	4.855.578.247
Cộng	1.687.345.655.445	1.548.590.346.245
Doanh thu với các bên liên quan:	11.656.771.469	7.836.369.017

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	699.393.806	192.027.041
- Giảm giá hàng bán	56.654.120	4.914.000
- Hàng bán bị trả lại	2.107.715.089	4.669.068.512
Cộng	2.863.763.015	4.866.009.553

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.376.668.109.936	1.267.457.315.791
Cộng	1.376.668.109.936	1.267.457.315.791

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.087.738.519	15.675.911.831
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.582.242.879	24.432.900.388
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	425.466.840	157.955.942
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	103.323.104	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	87.549.277
Cộng	41.198.771.342	40.354.317.438

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	4.528.796.640	8.029.986.540
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	639.590.472	423.356.138
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	225.315.739
- (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	165.860.200	-
Cộng	5.334.247.312	8.678.658.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	113.680.321.285	110.497.213.961
- Chi phí nhân viên	65.962.697.961	63.627.181.240
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.588.688.813	3.353.081.693
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.534.387.752	1.768.532.474
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.016.930.675	2.683.281.181
- Thuế, phí, lệ phí	5.199.564.880	5.619.585.667
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(638.068.754)	2.605.682.465
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.930.419.730	3.905.097.376
- Chi phí bằng tiền khác	30.085.700.228	26.934.771.865
Các khoản chi phí bán hàng	75.964.176.749	67.131.912.465
- Chi phí nhân viên	19.997.705.093	19.388.701.175
- Chi phí vật liệu, bao bì	14.917.618.183	14.120.173.823
- Chi phí khấu hao TSCĐ	168.758.292	134.856.516
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.066.309.074	19.068.786.502
- Chi phí bằng tiền khác	23.813.786.107	14.383.076.041
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	36.318.408
Cộng	189.644.498.034	177.629.126.426

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi bán phế liệu	15.580.925.784	14.765.623.312
- Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	860.348.041	1.613.282.123
- Thu từ bồi thường	629.241.827	548.905.838
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và công cụ dụng cụ	118.181.818	-
- Các khoản khác	2.808.943.936	1.347.031.223
Cộng	19.997.641.406	18.274.842.496

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản chậm nộp	10.623.978.882	122.882.886
- Các khoản chi phí khác	538.614.731	446.844.614
Cộng	11.162.593.613	569.727.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	893.993.880.950	856.857.533.970
Chi phí nhân công	253.816.556.293	227.703.611.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.004.130.349	69.491.275.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.344.963.517	47.152.803.488
Chi phí khác bằng tiền	81.134.758.188	67.724.233.055
Cộng	1.344.294.289.297	1.268.929.457.906

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	23.922.808.856	22.348.590.102
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	3.701.856.320	2.630.796.850
	27.624.665.176	24.979.386.952

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2024, Tổng Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát Tài	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Tổng công ty là cổ đông lớn

a) Giao dịch bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.656.771.469	7.836.369.017
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.524.523.235	573.964.126
Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	2.322.818.706	1.464.448.158
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	591.207.588	1.028.734.793
Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận	218.344.100	288.566.500
Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	281.205.100	434.113.000
Công ty Cổ phần Phát Tài	3.718.672.740	4.046.542.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

a) Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng	4.613.525.194	13.799.339.360
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	3.314.535.042	6.428.712.014
Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	66.216.065	3.724.165.550
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	22.355.200	3.604.733.796
Công ty Cổ phần Phát Tài	1.210.418.887	41.728.000
Cổ tức được chia	31.582.242.879	24.432.900.388
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	1.990.000.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	320.190.000	320.190.000
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	2.328.025.500	2.327.439.000
Công ty Cổ phần Phát Tài	1.359.412.000	1.019.559.000
Công ty Cổ phần In Tiền Giang	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa 04	237.153.600	237.153.600
Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình	760.211.000	760.211.000
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.375.207.285	4.918.314.463
Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	2.567.838.000	1.369.513.600
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	16.634.169.494	13.301.159.725
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	830.676.000	-

b) Số dư bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	12.797.936.770	13.004.659.105
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	243.301.709	200.315.017
- Công ty Cổ phần Phát Tài	796.819.394	531.480.300
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	772.486.093	378.196.180
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	9.852.166.558	10.728.624.238
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	50.003.676	75.047.520
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	53.613.790	61.450.300
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	1.029.545.550
Phải trả người bán	1.175.261.038	1.099.313.595
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	768.024.590	991.836.795
- Công ty Cổ phần Phát Tài	345.907.832	9.741.600
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	56.543.616	92.950.200
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

c) Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	31/12/2024	01/01/2024
		(Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên	1.335.169.600	1.193.154.001
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	862.322.880	519.796.800
Cộng	2.197.492.480	1.712.950.801

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksín – TNHH MTV đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Nguyễn Ngọc Minh Thy